

# KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TỪ MỘT SỐ NƯỚC TIÊN TIẾN

Nguyễn Thị Châu Anh

Trường Cao đẳng Bến Tre

## TÓM TẮT

*Trong xu thế hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn là một yêu cầu cấp thiết góp phần đổi mới căn bản giáo dục đào tạo. Kinh nghiệm ở các nước tiên tiến trên thế giới là một kênh thông tin hữu hiệu từ hoạch định chính sách, xây dựng chương trình đến các giải pháp đào tạo, quản lý. Bài viết này trình bày những kinh nghiệm từ thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực các ngành khoa học xã hội và nhân văn từ các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Philippines, Malaysia, đồng thời thảo luận và kiến nghị một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học của Việt Nam.*

*Từ khóa: xã hội và nhân văn, nguồn nhân lực, đào tạo*

\*

### **1. Đào tạo nguồn nhân lực ngành khoa học xã hội nhân văn ở Nhật Bản (Đại học Gakugei)**

Theo GS.TS. Fumihiko Shinohara, Đại học Gakugei, chất lượng của việc dạy và học bậc đại học phải được đẩy mạnh bằng việc ứng dụng kinh nghiệm giảng dạy và học tập kết hợp với công nghệ thông tin trong thiết kế chương trình khung và giáo trình tại các trường đại học, các viện nghiên cứu tại Nhật Bản nói riêng và khu vực châu Á Thái Bình Dương nói chung. Để thực hiện điều này, bảy ý kiến đề xuất sau đây dành cho sinh viên bậc đại học trong các khóa học có ứng dụng công nghệ thông tin:

– Ngay từ đầu khóa học, sinh viên cần phải biết tìm kiếm hình ảnh minh họa và tạo ảnh qua các phần mềm ứng dụng miễn phí như MS-Live MovieMaker.

– Trong suốt khóa học sinh viên phải biết tự đặt câu hỏi cho chính mình, khơi dậy sức tưởng tượng trong quá trình học khi tiếp nhận thông tin từ cộng đồng và mở rộng thông tin, biến những thông tin có được thành kinh nghiệm trong học tập qua các bản đồ tư duy “mind maps”, tận dụng phần mềm ứng dụng (như free Mind. Brainstorming) để trả lời các câu hỏi (như cái gì, ở đâu, tại sao, thế nào, khi nào, bao nhiêu, bao xa, ai làm, với ai, cho ai...).

– Thực hiện các hoạt động dạy và học hàng ngày theo hướng e-learning bằng cách biên soạn và xuất bản giáo án trên nguyên tắc kết hợp, tiến bước, hiệp lực/ điều phối/ đồng vận, thách thức và đổi mới.

– Thực hiện nghiên cứu và phát triển ứng dụng của công nghệ thông tin ở các ngành có liên quan trong lĩnh vực giáo dục

và công bố các kết quả nghiên cứu, từ đó có thể đáp ứng kịp thời với những vấn đề về xử lý thông tin từ phương tiện truyền thông và những vấn đề có liên quan đến môi trường và văn hóa.

– Thu thập và phát triển nguồn tư liệu và tài liệu vô tận từ thế giới chung quanh, ham học hỏi, muốn khám phá của sinh viên bằng cách sử dụng các thiết bị ghi hình và ghi âm như máy ảnh kỹ thuật số, điện thoại di động, máy tính bảng...

– Hợp tác với các cơ sở doanh nghiệp và với các chuyên gia để tham khảo khi xây dựng nội dung chương trình tại địa phương.

– Lưu ý cẩn thận về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ khi tận dụng các ứng dụng công nghệ miễn phí và phải tạo ra cách nghĩ, lối tư duy logic, hợp lý trong việc xuất bản online để đạt chuẩn về chất lượng đào tạo trong khóa học.

## **2. Đào tạo nguồn nhân lực ngành khoa học xã hội nhân văn ở Hoa Kỳ (Đại học Eastern Michigan và Đại học Ypsilanti)**

Việc học tập qua mạng Internet có thể trở thành sự thiếu sự đồng bộ do một số điểm khác nhau từ cái gọi là “e-learning” và “online learning”, do việc học tập này nhấn mạnh vào kỹ thuật máy tính và internet để làm thuận lợi hơn trong quá trình tương tác giao tiếp giữa người dạy và người học trong môi trường học trực tiếp trên mạng. Việc phát triển giáo dục qua mạng toàn cầu dẫn đến kết quả là sinh viên tương tác rất khác nhau, khác so với cách học truyền thống do nền văn hóa và bối cảnh giáo dục khác nhau khi học từ xa, học qua mạng. Giáo sư tiến sĩ Morell D. Boone cho rằng các ứng dụng công nghệ thông tin dành cho sinh

viên làm việc và tự học từ xa có thể được chia làm 3 loại lớn: giao tiếp (communication), thảo luận trao đổi quan điểm (conferencing) và cộng tác (collaboration).

– Các công cụ giao tiếp: emails và websites được sử dụng phổ biến nhất, cung cấp đa dạng thông tin về sản phẩm và dịch vụ, lưu trữ thông tin và xử lý các giao dịch. Skype từ công ty Microsoft là dịch vụ trao đổi thông tin trong giao tiếp qua *audio* và *video* hiện nay đang được sử dụng rất rộng rãi trên toàn cầu.

– Công cụ hội thảo trao đổi thông tin cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các cuộc họp mặt trong thời gian quy định. Các thành viên tham dự trong hội thảo qua mạng có thể dùng cửa sổ “chat” để gửi thông tin cho toàn nhóm và giữ bản quyền về nội dung văn bản.

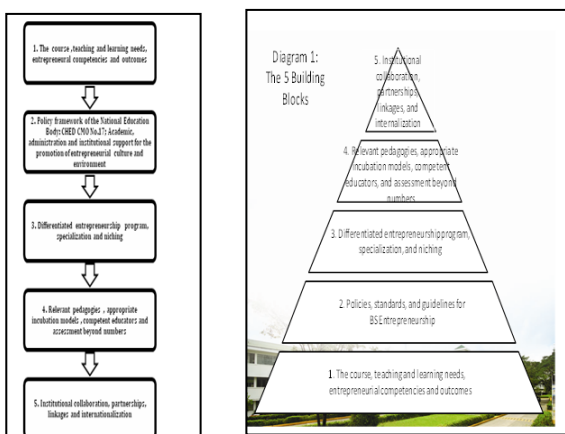
– Công cụ cộng tác đòi hỏi phải được huấn luyện để thực hiện công việc, người dùng phải biết danh sách tương tác của các thành viên và những đặc điểm của mạng xã hội.

Để thực hiện tốt các công cụ này trong việc quản lý chúng ta cần có kế hoạch, chọn lọc và triển khai. Các bước này cần phải kết hợp chặt chẽ qua các hoạt động sau đây: xác định rõ lý do thực hiện, nhận diện rõ chức năng của vấn đề cần thực hiện, chọn lựa những thành tố mang tính chất quyết định, đánh giá ước lượng được khối thông tin cần thực hiện trong tương tác.

Hiện nay đang có xu hướng gia tăng về việc sử dụng công cụ liên kết truyền thông trong việc giám sát sinh viên. Một hình thức mạng xã hội (social networking) là trang “blog” (web blog) xuất hiện và trở nên phổ biến từ năm 1997. Nội dung trên *blog* có thể

được cập nhật, do người biên soạn thiết kế dưới dạng văn bản, âm thanh và hình ảnh. Website chia sẻ thông tin phổ biến nhất, triển vọng được khai thác nhiều là “YouTube” (được tạo lập năm 2005 và đã được Google mua từ năm 2006) là ứng dụng có nhiều tiềm năng về chất lượng hình ảnh dưới dạng *video clips*, ứng dụng này đã và đang được sử dụng hàng ngày trên toàn cầu. TS Boon cho rằng thế giới giáo dục đại học đang trong giai đoạn chuyển đổi, và các công cụ này được ứng dụng trong công việc theo xu hướng của công nghệ di động và vấn đề học trên các phương tiện truyền thông đang đứng ở vị trí hàng đầu. Tuy nhiên, các trường đại học, các viện nghiên cứu cũng phải có những biện pháp tích cực để đảm bảo cho sinh viên không phải chịu đựng những tác động hay hệ quả tiêu cực từ những ứng dụng hiện đại này ở bậc đại học theo xu hướng phát triển của công nghệ thông tin.

### 3. Đào tạo nguồn nhân lực ngành khoa học xã hội nhân văn ở Philippines (Đại học Miriam, Thành phố Quezon)



**Hình 1:** Mô hình năm lĩnh vực liên quan việc phát triển nguồn nhân lực dành cho người dạy, người học, trường học, cơ sở kinh doanh/ các ngành công nghiệp, cộng đồng và xã hội

Theo quan điểm của tiến sĩ Antonio, dựa trên cơ sở khung chương trình hiện có của Đại học Miriam, khi kinh tế xã hội phát triển thì các trường đại học cần nạp năng lượng về chất lượng của sinh viên đầu ra để duy trì nền kinh tế mũi nhọn đối với ngành học. Chương trình giáo dục đại học tại trường dành cho các nhà doanh nghiệp tương lai và các nhà kinh doanh tốt nghiệp ngành học của trường, theo đó được thiết kế sao cho khi sinh viên ra trường có thể làm các công việc phục vụ như dịch vụ kinh doanh để phân bố lực lượng sản xuất đồng đều trong xã hội. Ngoài ra, sinh viên có thể đăng ký các ngành học theo sở trường của mình hoặc ngành học mình yêu thích để có cơ hội thực hành trong điều kiện cho phép và có thể thực hiện được của nhà trường. Mô hình năm khối của tòa nhà cho thấy năm khối này có liên hệ nhau như sau:

*Khối thứ nhất* là xác định nội dung khóa học, nhu cầu dạy và học, năng lực về khả năng kinh doanh của sinh viên khi tốt nghiệp. Năng lực đó được xác định qua 10 khả năng dành cho sinh viên tốt nghiệp:

- Tìm ra cơ hội và nắm bắt cơ hội kinh doanh.
- Tính toán, tiên liệu được sự rủi ro có thể xảy ra trong kinh doanh.
- Đáp ứng được tiêu chuẩn cần và đủ hiện đang có mặt trên thương trường.
- Đảm nhận công việc hoàn thành nhiệm vụ phục vụ khách hàng.
- Bền chí, kiên định và vững lập trường khi gặp phải khó khăn tạm thời cần giải quyết.
- Tìm được thông tin chính xác và có giá trị cho cơ sở kinh doanh.
- Đề ra mục tiêu dài hạn và ngắn hạn.

– Phát triển kế hoạch và nắm bắt dữ liệu để đạt mục tiêu đề ra.

– Thuyết phục người khác làm đối tác để giúp đỡ và để đạt được mục tiêu đề ra.

– Đảm đương nhiệm vụ và chịu trách nhiệm với các quyết định đề ra.

*Khối thứ 2* liên quan đến chính sách, tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hiện dành cho các doanh nghiệp được đào tạo huấn luyện tại trường trong tương lai.

*Khối thứ 3* xây dựng chương trình học trên cơ sở chuyên môn hóa dành cho các đối tượng sinh viên thuộc ngành học về kinh tế thương mại như công nghiệp thực phẩm, du lịch, tài chính kế toán, và các ngành khoa học khác liên quan.

*Khối thứ 4* cho rằng cần phải có mô hình đào tạo, có phương pháp sư phạm hợp lý đối với đối tượng và trình độ của sinh viên, có sự tham gia đánh giá của đội ngũ giáo dục trong chương trình học.

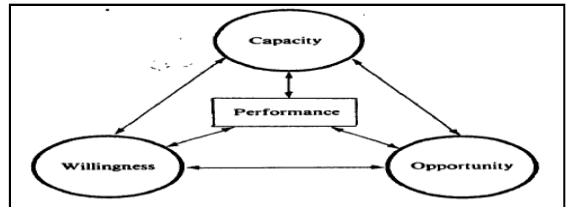
*Khối thứ 5* là hợp tác, liên kết để phát triển sau đó nội thức hóa tạo điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện thực tập cho người học trong việc đi thực tế bộ môn.

Dựa trên chương trình mang tính sáng tạo, sư phạm và mở rộng hoạt động học tập, Đại học Miriam chú trọng về giáo dục thể chất, đưa sinh viên đi thực tập, nghiên cứu thực tế bộ môn về các lĩnh vực như thời trang, phát triển sản phẩm với khẩu hiệu: “Students learn Business by doing Business” tại các nơi như café entrepreneur, souvenir shops, Internet research centers, Book stores..

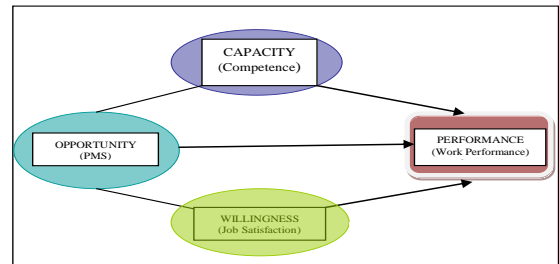
Ngoài ra, sinh viên có cơ hội tham gia trong các tổ chức và giao lưu với những người thành đạt cùng ngành, lập góc kinh doanh để chia sẻ kinh nghiệm trong thực hành và đi thực tế bộ môn.

#### 4. Đào tạo nguồn nhân lực ngành khoa học xã hội nhân văn ở Malaysia (Đại học Pendidikan Sultan Idris và Đại học Kebansaan)

Kinh nghiệm từ thực tiễn tại hai cơ sở giáo dục đại học ở Malaysia, theo ý kiến của TS Sharul Effendy Janudin, PGS.TS Ruhanita Maelah, được minh họa qua hình 2 về các chiều kích cho thực hiện công việc trong giáo dục đại học.



**Hình 2:** Mô hình mối tương tác để thực hiện công việc



**Hình 3:** Mô hình bố trí và cơ cấu khung về nghiên cứu khoa học trong môi trường giáo dục

Theo ý kiến của hai tác giả trên, mô hình nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào quan hệ làm việc theo hướng có tổ chức hơn là nghiên cứu mang tính cá nhân.

Hình 2 cho thấy ba chiều kích về phương diện này phối hợp tốt sẽ dẫn đến thành tích của công việc. Điều này có ý nghĩa như một hướng dẫn thiết kế và thực hiện dành cho các nhà quản lý và đào tạo tại các trường đại học.

Hình 3 cho thấy mối tương tác của những biến số này dẫn đến hiệu quả cao trong vấn đề thực hiện công việc của sinh viên. Để thực hiện công việc được tốt, người

học phải có năng lực, có cơ hội và có sự hài lòng với công việc hiện tại của mình.

### **5. Khuyến nghị**

Từ năm 2010, Việt Nam đã gia nhập mạng E-learning châu Á (Asia E-learning Network-AEN, [www.asia-elearning.net](http://www.asia-elearning.net)) với sự tham gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Bộ Bưu chính Viễn Thông... Điều này cho thấy tình hình nghiên cứu và ứng dụng loại hình đào tạo này đang được quan tâm ở Việt Nam.

E-learning (viết tắt của Electronic Learning) là thuật ngữ mới. Hiện nay, theo các quan điểm và dưới các hình thức khác nhau có rất nhiều cách hiểu về E-learning. Hiểu theo nghĩa rộng, E-learning là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là công nghệ thông tin.

Theo quan điểm hiện đại, E-learning được hiểu là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công cụ điện tử hiện đại như máy tính, mạng vệ tinh, mạng Internet, Intranet... trong đó nội dung học có thể thu được từ các website, đĩa CD, băng video, audio... thông qua một máy tính hay ti vi; người dạy và người học có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: e-mail, thảo luận trực tuyến (chat), diễn đàn (forum), hội thảo video.

Nhìn chung, giữa người dạy và người học có hai hình thức tương tác trong giao tiếp: giao tiếp đồng bộ (Synchronous) và giao tiếp không đồng bộ (Asynchronous). Giao tiếp đồng bộ là hình thức giao tiếp trong đó có nhiều người truy cập mạng tại cùng một thời và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau như: thảo luận trực tuyến, hội thảo video, nghe đài phát sóng trực tiếp, xem tivi phát sóng trực tiếp... Giao tiếp không đồng bộ là hình thức mà những người giao tiếp không nhất thiết phải truy cập mạng tại cùng một thời điểm, chẳng hạn như các khoá tự học qua Internet, CD-ROM, e-mail, diễn đàn. Do vậy, học viên được tự do chọn lựa thời gian tham gia khoá học, vì vậy, theo cách học này giảng viên phải chuẩn bị tài liệu cho khoá học trước khi khoá học diễn ra, và phải có sự đầu tư cẩn thận.

Nhật Bản cũng là nước chú trọng nhiều đến ứng dụng E-learning. Môi trường ứng dụng E-learning tại Nhật chủ yếu là trong các công ty lớn, các hãng sản xuất, các doanh nghiệp và dùng để đào tạo nhân viên.

Các trường đại học Việt Nam cần chú trọng nguyên tắc xây dựng giáo án có lồng ghép với ứng dụng công nghệ thông tin khi sử dụng giáo trình giảng dạy nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu tự học, tự nghiên cứu và tự đào tạo mình của sinh viên.

## **PRACTICAL EXPERIENCE ON HUMAN RESOURCE TRAINING FOR THE SECTORS OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES FROM SOME ADVANCED COUNTRIES**

**Nguyen Thi Chau Anh**

*Ben Tre College*

### **ABSTRACT**

*In the trend of international integration, improving the quality of training social sciences and humanities is an urgent requirement to contribute to basically reform*

*education and training. Experience in advanced countries in the world is an effective communication channel from policymaking, program development to training solutions and management. This article presents the practical experiences on human resource training for the sectors of social sciences and humanities from the United States, Japan, Philippines and Malaysia, as discuss and propose some solutions to help improve the quality of training social sciences and humanities for the universities in Vietnam.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Morell D. Boone, *Impact of Implementing Virtual Work Tools in the Globalization of Enterprises*, Eastern Michigan University, U.S.A.
- [2] Fumihiko SHINOHARA, *A Case Study on the Teacher Education Curriculum to Promote the Quality Teaching and Learning Utilizing ICT and its Related Technologies*, Tokyo Gakugei University, Tokyo, Japan.
- [3] Sharul Effendy Janudin – University Pendidikan Sultan Idris and Dr. Ruhanita Maelah – University Kebangsaan, *Theory of Work Performance in Education Setting: A Research Framework*, Malaysia.
- [4] Antonio M. Lopez, Maria Luisa Benig-Gatchalian, Maria Cristina L. Ibanez, Mona Liza Lee-Serrano, *Development of an Entrepreneurship Curriculum Framework And Approaches for Global Competitiveness*, Miriam College, the Philippines.